TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Chỉ;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

-Thư ký phiên toà: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa:

-*Nguyên đơn*: Ông Trần S, sinh năm: 1972

Cư trú tại thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

-*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971

Nơi ĐKHKTT: Thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Trần S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống tại An Giang ông và bà M có một người con là Trần Nhật A, sinh năm 2003. Năm 2011, vợ chồng ông về chung sống tại thôn 02, xã T, huyện T,

tỉnh Quảng Nam đến tháng 6 năm 2014, bà M dẫn con bỏ đi biệt tích đến nay. Ông đã yêu cầu Toà án tuyên bố bà M mất tích theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- *Về nuôi con, chia tài sản chung:* Ông S không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST ngày 12/3/2018.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần S. Về nuôi con, chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M, còn nguyên đơn ông Trần S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần S và bà Nguyễn Thị M xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến việc ông S xin ly hôn là do bà M bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay không có tin tức gì. Ông S đã làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố bà M mất tích theo quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS-ST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước đã tuyên bố bà Nguyễn Thị M mất tích. Xét thấy bà Nguyễn Thị M đã bị Toà án tuyên bố mất tích nên đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S là đúng quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 68 Bộ luật dân sự.

Về nuôi con; về chia tài sản chung:Ông S không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Ông Trần S thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 68 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần S ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về án phí: Ông S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND t.tr N, huyện T, tỉnh An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành